TRUNG TÂM KĐCLGD-TRƯỜNG ĐH VINH
**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33 /NQ-HĐKĐCLV

*Nghệ An, ngày 17 tháng 01 năm 2021*

# NGHỊ QUYẾT
## Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng của Trường Đại học Sài Gòn

## HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;*

*Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng của Trường Đại học Sài Gòn, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;*

*Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 17/01/2021 của Hội đồng,*

## QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng của Trường Đại học Sài Gòn của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá "đạt yêu cầu" từ 4,0 điểm trở lên là 41 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 82%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí "đạt yêu cầu". (chi tiết trong *Phụ lục 1*).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Sài Gòn thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng của Trường Đại học Sài Gòn theo quy định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**

**CHỦ TỊCH**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**Trần Đình Quang**

# PHỤ LỤC 1

**Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng của Trường Đại học Sài Gòn**

*(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐKĐCLV ngày 17 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)*

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| ***Tiêu chuẩn 1*** | | 3,67 | 2 | 66,7 |
| Tiêu chí 1.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 1.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 1.3 | 3 | | | |
| ***Tiêu chuẩn 2*** | | 3,67 | 2 | 66,7 |
| Tiêu chí 2.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 2.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 2.3 | 4 | | | |
| ***Tiêu chuẩn 3*** | | 3,67 | 2 | 66,7 |
| Tiêu chí 3.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 3.3 | 4 | | | |
| ***Tiêu chuẩn 4*** | | 4,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 4.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 4.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 4.3 | 4 | | | |
| ***Tiêu chuẩn 5*** | | 3,80 | 4 | 80 |
| Tiêu chí 5.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.3 | 3 | | | |
| Tiêu chí 5.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.5 | 4 | | | |
| ***Tiêu chuẩn 6*** | | 3,86 | 6 | 86 |
| Tiêu chí 6.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 6.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.6 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.7 | 4 | | | |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| ***Tiêu chuẩn 7*** | | 4,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 7.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.5 | 4 | | | |
| ***Tiêu chuẩn 8*** | | 4,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 8.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.5 | 4 | | | |
| ***Tiêu chuẩn 9*** | | 3,80 | 4 | 80 |
| Tiêu chí 9.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 9.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 9.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 9.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 9.5 | 4 | | | |
| ***Tiêu chuẩn 10*** | | 3,67 | 4 | 66,7 |
| Tiêu chí 10.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 10.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.6 | 3 | | | |
| ***Tiêu chuẩn 11*** | | 4,00 | 4 | 80 |
| Tiêu chí 11.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 11.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 11.3 | 5 | | | |
| Tiêu chí 11.4 | 3 | | | |
| Tiêu chí 11.5 | 4 | | | |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|---|---|---|
| **3,84** | **41** | **82** |

# PHỤ LỤC 2

**Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng của Trường Đại học Sài Gòn**

*(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐKĐCLV ngày 17 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)*

Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng của Trường Đại học Sài Gòn đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT ngành Tài chính-Ngân hàng giai đoạn 2015-2020 cho thấy, chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cơ bản phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, với xu thế phát triển của ngành, được thể hiện cụ thể thông qua chuẩn đầu ra, được phổ biến tới cán bộ, giảng viên và người học; chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát, điều chỉnh định kỳ, được phổ biến đến người học; nội dung và cấu trúc của CTĐT được thiết kế cơ bản phù hợp, phân bổ hợp lý; các hoạt động dạy và học đa dạng, các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với mục tiêu đào tạo; năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được quản lý và đánh giá theo quy trình với các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển rõ ràng, cụ thể; chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố công khai; người học được tư vấn, hỗ trợ, được đảm bảo các điều kiện cơ bản cho học tập, thực hành, rèn luyện sức khỏe; dữ liệu về SV thôi học, SV đủ điều kiện tốt nghiệp, SV được công nhận tốt nghiệp trong mỗi năm học, thờigian tốt nghiệp trung bình của SV được thiết lập, giám sát; tỷ lệ tốt nghiệp của CTĐT có việc làm và đáp ứng yêu cầu công việc cao; hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT bước đầu được thiết lập và triển khai thực hiện; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng trong cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT cần được rà soát, điều chỉnh phù hợp với Luật Giáo dục đại học, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Khung trình độ Quốc gia; trong quá trình điều chỉnh, cần tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước ngoài, huy động sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan; cần công bố công khai cập nhật mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT (sau rà soát, điều chỉnh) trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và các phương tiện thông tin khác;

(ii) Cần xây dựng Bản mô tả CTĐT với đầy đủ thông tin; cần có kế hoạch cụ thể để định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật ít nhất 2 năm/lần; cần hoàn thiện hệ thống đề cương

chi tiết các học phần trong CTĐT, chú ý cập nhật các vấn đề mới liên quan trong lĩnh vực Kinh tế để xem xét đưa vào CTĐT; cần chuẩn hóa quy trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT nhằm tăng tính hiệu quả và thống nhất trong quản lý và thực hiện; cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai kịp thời Bản mô tả CTĐT và hệ thống đề cương chi tiết của các học phần tới các bên liên quan để dễ dàng nắm bắt, sử dụng;

(iii) Cần hoàn thiện chương trình dạy học, chú ý bổ sung nội dung hướng dẫn thực hiện CTĐT (phương pháp tổ chức đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn lực thực hiện...) để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; cần rà soát bảng ma trận chuẩn đầu ra, xác định và điều chỉnh sự đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT; cần cân đối phù hợp giữa các khối kiến thức trong CTĐT, thiết kế lộ trình giảng dạy phù hợp, logic về nội dung và hướng tiếp cận nhằm đáp ứng tốt yêu cầu nghề nghiệp tương lai; cần định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để có điều chỉnh kịp thời về nội dung, phương pháp, thời gian thực hiện;

(iv) Triết lý giáo dục của Nhà trường cần được được chuyển tải phù hợp vào nội dung chương trình, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá của CTĐT; cần tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học, các sinh hoạt chuyên môn về đổi mới và ứng dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, đáp ứng yêu cầu xã hội trong cách mạng công nghiệp 4.0; các phương pháp dạy học, kiểm tra/đánh giá cần hướng tới phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, hình thành và rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời như kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá, sử dụng thông tin, tư duy phản biện, đam mê tri thức...;

(v) Cần ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng bảng ma trận thể hiện sự liên kết giữa các hình thức kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần, thiết kế và thực hiện các phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá đảm bảo mức độ đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và của CTĐT; cần thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra/đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để làm cơ sở nâng cao chất lượng công tác thi, kiểm tra/đánh giá, bảo đảm đánh giá được mức độ đạt được các chuẩn đầu ra;

(vi) Cần rà soát, điều chỉnh và thông nhất hệ thống văn bản quản lý của Trường về công tác cán bộ; cần ban hành một văn bản riêng quy định cụ thể về quy trình đánh giá kết quả thực hiện từng năm học, về năng lực công tác của đội ngũ giảng viên, có chú ý đến năng lực và kết quả phục vụ cộng đồng; cần sớm có kế hoạch và giải pháp phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao cho CTĐT; cần tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giảng viên; cần xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, giảng viên và định kỳ phân tích, đánh giá đầy đủ;

(vii) Cần rà soát, điều chỉnh hệ thống văn bản quy định về tuyển dụng cán bộ, viên chức, bổ sung các quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán

bộ, viên chức, đảm bảo tuyển đủ được số lượng, đúng về chất lượng, đáp ứng yêu cầu công việc; cần rà soát đề án vị trí việc làm để có kế hoạch tổng thể dự báo về số lượng, trình độ chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ, các kiến thức thức, kỹ năng bổ trợ khác cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ thực hiện CTĐT; cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về việc theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc, có tính đến sự hài lòng của các bên liên quan; cần khảo sát nhu cầu để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên;

(viii) Cần định kỳ rà soát, điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho CTĐT, điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đảm bảo phù hợp hơn với mục tiêu của CTĐT và thực tiễn; cần đánh giá và phân tích xu hướng chất lượng đầu vào của người học để phân bổ nguồn lực đào tạo hiệu quả và có những biện pháp hỗ trợ kịp thời; cần sử dụng hiệu quả các ý kiến phản hồi của các bên liên quan để cập nhật nội dung chương trình, bài giảng, đổi mới phương pháp giảng dạy và công tác hỗ trợ người học; cần định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động của hệ thống giám sát, hỗ trợ người học; cần tổ chức thường xuyên các hoạt động hướng nghiệp (hội chợ việc làm, tọa đàm, gặp gỡ doanh nhân...) để giúp sinh viên nắm bắt được yêu cầu thực tiễn, sớm định hướng việc làm và tiếp cận với nghề nghiệp tương lai;

(ix) Cần sớm có kế hoạch cải tiến, chuẩn hoá thư viện, chú trọng xây dựng thư viện điện tử, mở rộng kết nối kết nối với các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước; cần xây dựng nguồn tài liệu đa dạng, cập nhật, có tính chuyên đề cho những định hướng nghiên cứu của ngành tiếp cận yêu cầu của xã hội 4.0; cần nghiên cứu xây dựng phòng thực hành chuyên ngành kế toán-tài chính, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, chú trọng hoàn thiện và khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý; cần sớm ban hành và triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường đến các bên liên quan, có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật;

(x) Cần hoàn thiện hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với CTĐT, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi; cần tăng cường khảo sát đầy đủ, đồng bộ ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT; cần rà soát, chuẩn hóa quy trình thiết kế và cải tiến CTDH, có biểu mẫu và công cụ hướng dẫn cụ thể; cần cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo tương thích, phù hợp để hướng tới đạt được chuẩn đầu ra; cần có chính sách, đầu tư kinh phí, có biện pháp tích cực để tăng cường hoạt động khoa học công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý đến quy định/hướng dẫn về việc sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học trong các CTĐT của Trường; cần đa dạng hóa các giải pháp/biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan;

(xi) Cần phân tích nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học, tốt nghiệp không đúng hạn của CTĐT; cần phân tích đầy đủ và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên và mức độ hài lòng của các liên quan; tăng cường đầu tư cho sinh viên nghiên cứu khoa học đảm bảo trích đủ tối thiểu 3% học phí như quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ; cần hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp để thu được kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của người tuyển dụng với năng lực sinh viên tốt nghiệp của Trường khoa học, chính xác và khách quan hơn.

*  *  *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 07/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

---